

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ

Bản án số: 55/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09/6/2026

“V/v Ly hôn và con chung”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ

- **Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Tuyết và bà Nguyễn Thị Loan

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thảo Nhi - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà:** Bà Hoàng Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 131/2026/TLST - HNGĐ ngày 25/3/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 15/5/2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thuý Ph, sinh năm 1987; nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã N, tỉnh Quảng Trị. Hiện sinh sống tại: Okayamashi Minamiku Fukushima 3 Chome 6-43 mezonforesuta 201 Nhật Bản - Có đơn xét xử vắng mặt.

Số căn cước công dân: 044187001993

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn T, xã N, tỉnh Quảng Trị - Có đơn xét xử vắng mặt.

Số căn cước công dân: 044086007302

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Bùi Thuý Ph trình bày: chị và anh Nguyễn Văn Ch kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là xã N, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 14/11/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống hạnh phúc và yêu thương nhau. Đầu năm 2016 anh Ch sang Đài Loan để làm ăn, thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc quan tâm nhau. Tuy nhiên, một thời gian sau do cách trở về địa lý và bất đồng quan điểm sống vợ chồng bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn và cãi vã, sau đó anh Ch về nước tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng càng kéo dài và ngày càng căng thẳng gay gắt. Anh Ch thường rượu chè và đánh đập chị, mặc dù vợ

chồng đã nhiều lần cố gắng hoà giải để giải quyết những bất đồng và hàn gắn tình cảm gia đình và nhờ họ hàng hai bên khuyên nhủ nhưng tình cảm vợ chồng không còn, không tìm được tiếng nói chung. Năm 2017, anh chị đã cắt đứt liên lạc và quyết định sống ly thân. Năm 2018 chị qua Nhật làm ăn từ đó cho đến nay anh chị không còn liên lạc gì với nhau. Nay, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ch.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn Tuấn Kh, sinh ngày 30/7/2010. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn là giao cho anh Ch trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, chị sẽ có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con với anh Ch mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ph trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/4/2026 bị đơn anh Nguyễn Văn Ch trình bày: anh và chị Bùi Thuý Ph kết hôn trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình vào ngày 14/11/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 1 năm thì chị Ph đi nước ngoài cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng vẫn gọi điện liên lạc với nhau đến năm 2017 chị Ph cắt đứt liên lạc với anh. Từ năm 2018 vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau nữa. Nay, chị Ph làm đơn xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm không còn, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án sớm đưa vụ án ra xét xử chấp nhận cho anh chị được ly hôn để ổn định cuộc sống của bản thân.

Về con chung: quá trình chung sống anh chị 01 con chung tên là Nguyễn Tuấn Kh, sinh ngày 30/7/2010. Nguyên vọng của anh sau khi ly hôn là mong muốn được nuôi con, đề nghị chị Ph đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện VKSND Khu vực I phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, hai bên đã sống ly thân nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, 35, 228, 238, 464, 469 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thuý Ph xử cho chị Bùi Thuý Ph được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ch; về con chung: giao 01 con chung là Nguyễn Tuấn Kh, sinh ngày 30/7/2010 cho anh Ch trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị Ph đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng anh Ch mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 7/2026 cho đến khi cháu Kh tròn 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện chị Bùi Thuý Ph đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 1 giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Văn Ch, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”; anh Ch có nơi cư trú là thôn Tây Thành, xã N, tỉnh Quảng Trị, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án chị Ph và anh Ch có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh chị Ph và anh Ch theo quy định tại Điều 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ph và anh Ch đăng ký kết hôn ngày 14/11/2009 tại UBND xã N, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình. Việc kết hôn có tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, tuân thủ quy định Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, chị Ph đi xuất khẩu lao động tại Nhật cho đến năm 2018 anh chị không còn liên lạc gì với nhau nữa. Tại bản tự khai, đơn giải quyết vắng mặt, chị Ph và anh Ch điều thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không tồn tại nên chị Ph yêu cầu xin ly hôn anh Ch và anh Ch cũng đồng ý. Xét thấy tình cảm vợ chồng của chị Ph và anh Ch đã hết, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Điều 4 Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ph xử cho chị Bùi Thuý Ph được ly hôn anh Nguyễn Văn Ch là phù hợp.

[2.2] Con chung: Quá trình chung sống chị Ph và anh Ch có 01 con chung tên là Nguyễn Tuấn Kh, sinh ngày 30/7/2010. Sau khi ly hôn anh Ch có nguyện vọng được nuôi con. Cháu Kh sống với anh Ch từ lúc chị Ph đi nước ngoài, nguyện vọng của cháu là được ở với bố. Chị Ph hiện đang ở nước ngoài, chị cũng đồng ý giao con cho anh Ch chăm sóc, nuôi dưỡng và đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Nên căn cứ quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cần giao cháu Kh cho anh Ch trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh Ch mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 7/2026 cho đến khi cháu Kh tròn 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ph và anh Ch trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị Bùi Thuý Ph phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; Các Điều 28, 35, 227, 228, 238, 273, 464, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, xử:

1. Xét xử vắng mặt chị Bùi Thuý Ph và anh Nguyễn Văn Ch.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thuý Ph, xử cho chị Bùi Thuý Ph được ly hôn anh Nguyễn Văn Ch.
3. Về quan hệ con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn Tuấn Kh, sinh ngày 30/7/2010 cho anh Nguyễn Văn Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Ph có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con với anh Ch mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) kể từ tháng 7 năm 2026 cho đến khi cháu Kh tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị Bùi Thuý Ph có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

5. Về án phí: Buộc chị Bùi Thuý Ph phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng để sung vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001137 ngày 24/3/2026 tại thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị Ph còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

6. Quyền kháng cáo: nguyên đơn chị Bùi Thuý Ph có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết. Bị đơn anh Nguyễn Văn Ch có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 1;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã N
(nay là xã N)
- Số GCNKH: 34 ngày 14/11/2009;
- Các đương sự;
- Công an xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

